

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ĐẶC TRƯNG VĂN HOÁ DÂN TỘC TRONG NGÔN NGỮ (một số liên hệ với tiếng Việt và tiếng Anh)

LÊ HỒNG LINH
(Đại học Ngoại thương Hà Nội)

1. Ngày nay, quá trình hội nhập, toàn cầu hoá phát triển đã thúc đẩy mạnh mẽ việc giao thoa văn hoá dẫn đến việc nhiều ngôn ngữ có mang những đặc điểm văn hoá giống nhau. Tuy nhiên, ở cấu trúc bề sâu ngôn ngữ vẫn phản ánh những đặc trưng riêng biệt, được kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác về kinh nghiệm, tri thức và cả cách tư duy bằng ngôn ngữ.

Do vậy, ngôn ngữ đã được khẳng định là yếu tố quan trọng hàng đầu mang đậm nét yếu tố văn hoá-dân tộc. Đặc điểm này thể hiện ở nhiều bình diện khác nhau của ngôn ngữ. Song trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi xin đề cập chủ yếu đến mặt ngữ nghĩa của ngôn ngữ.

Trong ngữ nghĩa của ngôn ngữ, đặc trưng văn hoá dân tộc được thể hiện ở 5 khía cạnh chính sau đây:

- định danh ngôn ngữ
- ý nghĩa của từ, ngữ
- cách chia cắt và phạm trù hoá thế giới khách quan
- cách ý niệm hoá các sự vật trong thế giới khách quan
- cách miêu tả các sự vật-hiện tượng của thế giới khách quan bằng ngôn ngữ.

2. Các đặc trưng văn hoá dân tộc được thể hiện trong ngôn ngữ

2.1. Định danh bằng ngôn ngữ

Trước hết, đặc trưng văn hoá-dân tộc được biểu hiện ở việc lựa chọn đặc trưng của đối tượng để làm cơ sở cho tên gọi của

nó. Điều này bị quy định bởi nhiều nhân tố trong đó một phần thuộc về những đặc điểm sinh lí của con người, một phần thuộc về các chức năng và cơ chế của lời nói

Trong thế giới khách quan, các sự vật, và hiện tượng có những mối liên hệ, thuộc tính khác nhau, tạo thành những biểu tượng khá phức tạp. Quá trình tâm lí lựa chọn các đặc trưng ở mỗi dân tộc thường khác nhau, vì thường người ta chỉ chọn những đặc trưng nào thấy là tiêu biểu, dễ khu biệt với các đặc trưng khác. Chẳng hạn, người Anh và người Việt cùng nhìn các môn thể thao với những thuộc tính riêng:

Tiếng Anh	Tiếng Việt
<u>football</u>	bóng <u>đá</u>
<u>handball</u>	bóng <u>ném</u>

Xét hai ví dụ trên ta nhận thấy: Trong định danh người Anh chú trọng đến sự vật, thấy sự vật thực hiện hành động có vai trò tiên yếu hơn hành động, nên họ sử dụng **foot** (chân) trong *football*, và **hand** (tay) trong *handball*. Đây là hai môn thể thao với bóng được phân biệt nhau bằng sự vật thực hiện hoạt động đó: chân hay tay. Còn đối với người Việt thì lại thiên về hành động, chú ý phân biệt hai môn chơi ở cách thực hiện hành động: đá hay ném.

Đặc điểm khác biệt về dân tộc, tôn giáo cũng ảnh hưởng sâu sắc đến các định danh của các dân tộc. Người Anh đa số theo Thiên Chúa giáo, đối với họ "heart" (con tim/trái tim) có vai trò đặc biệt quan

trọng. Điều này ta thấy rõ trong các từ ngữ:

kind-hearted: tốt bụng, nhân hậu

light-hearted: nhẹ dạ, dễ tin người

warm-hearted: tốt bụng

sweet-heart: người yêu

learn by heart: học thuộc lòng

from the bottom of one's heart: tận đáy lòng

Trong các định danh trên, **heart** được coi là yếu tố trung tâm và xuất hiện nhiều trong các cấu tạo từ mới. Còn đối với người Việt, có đời sống gắn liền với nông nghiệp và đã từng trải qua các thời kì đói kém, nên cái **bụng, lòng, dạ** luôn được đặt ở vị trí quan trọng. Do vậy, trong tiếng Việt có nhiều các cụm từ:

tốt bụng, từ tận đáy lòng, mở cờ trong bụng, hả lòng hả dạ, nhẹ dạ, sáng lòng sáng dạ, học thuộc lòng

Đặc điểm văn hoá-dân tộc còn thể hiện ở việc quy loại khái niệm của đặc trưng được định danh chứ không chỉ ở việc chọn đặc trưng nào để định danh. Ví dụ: Người Anh thường quan niệm “vegetable” (rau) gồm các loại thực vật có rễ mọc từ đất, gồm thân, lá, cành. Họ có các loại rau: lettuce (rau diếp), cabbage (rau cải bắp), colza (rau cải bẹ). Còn đối với người Việt, trong khái niệm “rau” không nhất thiết phải có đủ cả thân, lá, cành. Chẳng hạn như rau bí của người Việt, thực ra chỉ là phần ngọn của một loại thực vật ăn quả (quả bí); hay trường hợp rau ngót cũng vậy: Người Việt Nam chỉ ăn phần lá của cây ngót mà thôi.

Điều này ta còn thấy trong các từ tiếng Việt mà nếu đứng về góc độ sinh học mà xét thì không phù hợp. Ví dụ người Việt Nam gọi *củ lạc* (đúng ra phải gọi là quả lạc); *củ chuối* (thân cây chuối); *củ su hào* (thân su hào). Mà điều này ta ít thấy có sự sai lệch như vậy trong tiếng Anh. Đối với người Việt, các từ định danh được sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày không nhất thiết phải mang tính khoa học cao.

Các sự vật hiện tượng luôn chứa đựng những đặc tính nhằm phân biệt với các sự

vật hiện tượng khác. Song, đồng thời nó cũng bao gồm những thuộc tính, yếu tố chung, giống các sự vật hiện tượng khác. Do đó, khi gọi tên sự vật hiện tượng người ta thường kết hợp cả hai đặc trưng này: thuộc tính chung giúp phân nhóm sự vật hiện tượng; còn thuộc tính riêng biệt để khu biệt từng sự vật hiện tượng. Ví dụ cùng là loại cây có củ, mọc ngầm trong đất người Việt gọi chung là “khoai”. Nhưng chúng ta có các loại khoai khác nhau như: *khoai lang, khoai sọ, khoai tây, khoai môn, khoai nước*...

Chúng ta thấy những điều trên ở hầu khắp các ngôn ngữ. Song, ở mỗi ngôn ngữ tính chất này có thể được thể hiện khác nhau, trước hết là ở trật tự sắp xếp của các yếu tố ngôn ngữ hàm chứa ý nghĩa chung và những yếu tố chỉ nét riêng. Chẳng hạn, trong tiếng Việt yếu tố chung thường được đặt ở vị trí đầu trong từ ghép như: bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền, bóng ném. Nhưng người Anh thì lại khác: Họ đặt yếu tố chung ở phía sau: football, basketball, volleyball, handball.

Điều này cũng còn thấy trong cách đặt tên người. Người Việt Nam thường đặt tên gắn với một sự kiện, một địa danh nơi được sinh ra, hoặc theo tên các con giáp, ví dụ: Nguyễn Quốc Khánh, Thành Thế Thái Bình, Trần Văn Mão... Trong các tên riêng này, bao giờ cũng gồm một yếu tố chung: họ (dùng để gọi cho một nhóm người cùng huyết thống); và một yếu tố mang tính chất cá nhân: tên (gọi tên người cụ thể). Theo thói quen của người Việt, khi gọi tên người thường dùng tên riêng như: anh Khánh, anh Bình, anh Mão. Và một điều rất kiêng kị trong việc đặt tên của người Việt, đặc biệt trong thời kì phong kiến, là: Tên gọi của người ở thứ bậc thấp hơn không được trùng với người ở thứ bậc cao hơn (xét về địa vị trong xã hội, thứ bậc tôn ti trong gia đình, dòng họ).

Đối với người Anh, việc đặt tên trùng nhau lại biểu thị sự quý mến, kính trọng. Trong khi gọi tên, người Anh thường dùng

họ chứ ít dùng tên riêng. Và thường tên riêng được đặt ở phía sau, ví dụ: John Smith, Elton John, Thomas Scovel.

Một điều khác nữa là tên con gái Việt Nam thường có đệm “thị” và hay lấy theo tên của các loài hoa: Nguyễn Thị Lan, Trần Thị Lay Ôn, Phạm Thị Thuỷ Tiên và họ tên này thường gắn với họ suốt cuộc đời. Còn ở người Anh, người con gái khi mới sinh ra cho đến khi lấy chồng thì mang họ của bố (cũng có trường hợp mang họ mẹ), nhưng khi đã lấy chồng phải lấy họ của chồng.

Ngoài ra, đối với người Việt, việc gọi tên riêng người lớn tuổi sẽ bị coi là vô lễ, bất lịch sự. Trong xã hội cũ, thay vì gọi đúng tên khai sinh (hay còn gọi là “tên cúng cơm”) thì người ta gọi theo tên của người con cả. Còn ngày nay, người ta thường gọi đúng tên họ nhưng đi kèm chức vị, vai trò, ví dụ: bác Minh, chú Quyết, mẹ Ngân... Đối với người Anh, không nhất thiết phải làm vậy. Họ có thể cho thêm các từ chỉ chức vụ, giới: Mr. John, Miss. Mary, Doctor, Bean. Tuy nhiên trong quan hệ họ hàng thân thiết, họ cũng dùng tên riêng. Thậm chí đối với bố mẹ, khi thân thiện người ta cũng có thể gọi tên riêng như: John!, Mary!...

2. 2. Sự chuyển nghĩa và nghĩa biểu trưng

Sự chuyển nghĩa hay cải biến nghĩa chính là “sự chuyển tên gọi có cấu trúc ngữ nghĩa này sang cấu trúc ngữ nghĩa khác”. Đồng thời, cơ sở của các biến đổi (mở rộng hay thu hẹp) nghĩa này là các quy luật logic-hình thức của tư duy, quan hệ giữa các khái niệm. Để thực hiện công việc này, người ta có thể sử dụng các phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, hoán dụ. Ví dụ: Trong tiếng Việt có từ “bụng” với nghĩa gốc chỉ bộ phận cơ thể, nơi chứa thức ăn, chẳng hạn: Bụng anh ta đang sôi lên vì đói.

Song cũng có các trường hợp khác được chuyển nghĩa từ “bụng” ở trên như:

Anh ta nghĩ thâm trong bụng.

(“bụng” lúc này chỉ là suy nghĩ trong đầu, trong óc: là tư duy)

Anh ấy là người tốt bụng.

(“bụng” chỉ thái độ sống, cách cư xử, quan hệ với người khác)

Điều này ta cũng thấy trong tiếng Anh. Ví dụ: từ “world” có nghĩa gốc chỉ thế giới, chẳng hạn: He has travelled all over the world. (Anh ta đã đi khắp thế giới), nhưng ta thấy từ này cũng được sử dụng trong phép chuyển nghĩa như:

I think the world of him. (Tôi rất thích anh ấy)

Trong ví dụ thứ hai, nghĩa gốc “thế giới” đã chuyển thành ý nghĩa “nhiều, rất nhiều”

Trong tiếng Việt, ta thấy có những câu thơ như:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Trong hai câu thơ trên mỗi câu đều có từ “mặt trời”, nhưng ý nghĩa của chúng khác nhau. “Mặt trời” trong câu thơ đầu chỉ sự vật tồn tại thực sự trong thế giới, đó là mặt trời thực sự, đem lại ánh sáng. Nhưng mặt trời ở câu sau lại là mặt trời được chuyển nghĩa, tượng trưng cho một con người vĩ đại, một vị lãnh tụ xuất sắc: Bác Hồ.

Trong sự chuyển nghĩa, có thể nhận thấy không chỉ là cái có tính chất phổ biến, quốc tế, mà còn có tính đặc thù dân tộc. Sự liên tưởng vốn bị tiên định bởi điều kiện lịch sử, tâm lý cụ thể của một cộng đồng văn hoá-ngôn ngữ cụ thể, có thể dẫn đến sự chuyển nghĩa trong các ngôn ngữ khác nhau có thể không giống nhau. Ví dụ từ “chân” trong tiếng Việt có thể chuyển nghĩa thành “cương vị với tư cách là thành viên của một tổ chức”: *Ông ấy có chân trong hội đồng nhân dân.*

Nhưng nếu dịch câu này sang tiếng Anh, thì không thể nói:

**He has got a leg in the People's Committee.*

Mà phải nói là:

He has got a chair in the People's Committee. (Ông ấy có ghế trong hội đồng nhân dân).

Hay trong tiếng Việt chúng ta nói: “đất cày cấy”. Nhưng trong ngôn ngữ của người Anh lại có cách nói:

It costs me an arm and a leg. Nó tốn của tôi một cái chân và một cái tay).

Xin lấy một ví dụ khác trong tiếng Anh có liên quan đến địa lí:

Bring coal to Newcastle. (Chở than về Newcastle).

Còn người Việt lại nói: “Chở củi về rừng”.

Nước Anh là một nước tiêu thụ sản phẩm khoai tây lớn trên thế giới. Do vậy “củ khoai tây” (potato) được chuyển nghĩa thành “nhân vật quan trọng, người có địa vị trong xã hội”, chẳng hạn: *He is a big potato.* (Ông ta là một nhân vật quan trọng)

Còn người Việt Nam không bao giờ nói:

* Ông ta là một củ khoai tây to.

Trong khi thực hiện phép chuyển nghĩa, người ta thường chú ý đến những đặc trưng cơ bản của sự vật, hiện tượng. Tuy nhiên sự nhìn nhận những đặc trưng đó không giống nhau ở mỗi dân tộc. Chẳng hạn như “con gấu” trong tiếng Việt biểu thị sự hỗn láo, to lớn, nhiều, ví dụ:

Thằng ấy nó gấu lắm.

Nó ăn như gấu vậy.

Còn trong tiếng Anh, “gấu” lại có ý nghĩa là “thô kệch”. Ví dụ:

He behaves like a bear.

(Nó cư xử thô lỗ lắm)

Hay một ví dụ khác: Trong tiếng Việt từ “núi” mang chỉ sự lớn lao, kì vĩ. Ví dụ:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Nhưng trong tiếng Anh, “núi” lại biểu thị sự “già cỗi, lâu đời”. Ví dụ: *He is as old as a hill.* (Ông ấy đã già lắm rồi)...

2.3. Sự chia cắt và ý niệm hoá thế giới

Thế giới hiện thực là một thể liên tục, vô cùng vô tận. Do đó con người muốn nhận thức được nó, thì phải chia cắt cấu

trúc hoá lại theo những cách thức nhất định. Và điều này cũng mang dấu ấn của dân tộc một cách rõ nét. Chẳng hạn: người Việt xác định rất rõ các sự vật: lúa, thóc, gạo, cơm, còn người Anh thì chỉ dùng một từ duy nhất cho cả ba dạng trên: *rice*. Hay tương ứng với “đi bộ” trong tiếng Việt trong tiếng Anh có các từ như: *walk* (đi bộ nói chung); *go on foot* (đi bộ, phân biệt với đi xe đạp, ô tô); *jog* (đi bộ để tập luyện).

Sự thiếu vắng một từ nào đó trong một ngôn ngữ có thể là do ở dân tộc nói ngôn ngữ này không có khái niệm tương ứng. Song, cũng có khi ở dân tộc ấy có sự nhận biết các khái niệm nhưng lại không có cách thể hiện bằng ngôn ngữ. Ngoài ra, điều kiện sống, văn hoá khác nhau cũng có thể ảnh hưởng đến ngôn ngữ. Nước Anh là một trong số mười nước đứng hàng đầu về tiêu thụ rượu cồn. Trong ngôn ngữ của họ thấy xuất hiện rất nhiều các từ chỉ các loại rượu khác nhau như: *wine*, *whisky*, *alcohol*, *brandy*, *spirit*, *liquor*, *gin*. Trong tiếng Việt, chỉ gặp các từ ghép có yếu tố chung là “rượu”, ví dụ: rượu gạo, rượu trắng, rượu nếp, rượu vang.

Sự ý niệm hoá thế giới cũng có ảnh hưởng rõ nét đến mặt ngữ nghĩa của các ngôn ngữ.

Trước hết phải nói đến việc định vị không gian. Người Việt Nam có thói quen nói: đi vào Nam, đi ra Bắc, đi vào buồng, đi ra cửa. Còn với người Anh, tất cả các diễn đạt “vào, ra” đó chỉ cần diễn đạt bằng một giới từ chỉ phương hướng “to”: *go to the South*, *go to the North*, *go to the bedroom*, *go to the door*.

Người Anh, khi miêu tả vị trí của các sự vật, thường đặt trong mối tương quan với nhau một cách chặt chẽ hơn so với người Việt. Ví dụ: Khi miêu tả một người xuất hiện ở một trong những phương tiện giao thông như: *bus* (xe buýt), *bicycle* (xe đạp), *taxi* (xe tắc-xi), *car* (ô tô con), *train* (tàu), *plane* (máy bay)... thì họ phân biệt bằng cách sử dụng “in” (trong) và “on” (trên). Các phương tiện có khoảng không rộng như: *bus*, *train*, *plane* thì sử dụng “on”;

hoặc trường hợp xe đạp (bicycle), xe gắn máy (motorcycle) cũng sử dụng “on”. Trong các trường hợp mà tương quan giữa người và phương tiện không nhiều, chẳng hạn như: xe tắc-xi, hoặc ô tô con, thì sử dụng “in”. Ví dụ:

We were on the bus when it rained.

He saw the car crashed when he was in the taxi.

Còn trong tiếng Việt các trường hợp trên có thể dùng cả hai cách diễn đạt đều đúng. Chẳng hạn, có thể nói:

Lúc trời đổ mưa, chúng tôi đang ở trên/trong xe buýt.

Anh ta chứng kiến vụ tai nạn khi đang ở trên/trong xe tắc-xi.

Nhưng cũng có khi trong tiếng Việt lại cụ thể hơn trong tiếng Anh. Ví dụ với câu:

John is in Nam's house.

Trong tiếng Anh, việc xác định vị trí giữa John, Nam, và người phát ngôn không cần cụ thể như trong câu tiếng Việt. Còn đối với người Việt, chúng ta sẽ có các phát ngôn khác nhau phụ thuộc vào vị trí giữa họ: Nếu như nhà John và Nam cùng toà nhà, nhà Nam ở tầng cao hơn nhà John, ta sẽ nói:

John ở chơi trên nhà Nam.

Trong trường hợp ngược lại, nhà Nam ở tầng thấp hơn thì nói:

John ở dưới nhà Nam.

Nếu trong trường đó là hai toà nhà khác nhau thì phải nói:

John ở chơi bên nhà Nam.

Hoặc một trường hợp khác: Người Việt Nam ta thường nói:

Cậu bé đang ngồi dưới gốc cây.

Còn trong tiếng Anh thì lại nói:

He is sitting under the tree.

(Cậu bé đang ngồi dưới cây)

Hoặc trong tiếng Việt:

Cậu bé đang ngồi trên lưng trâu.

trong tiếng Anh lại nói:

He is sitting on the buffalo.

(Cậu bé đang ngồi trên trâu)

Như vậy, sự định vị không gian và cách tri nhận nó ở các dân tộc có thể không giống nhau. Điều này càng phản ánh rõ

thêm đặc trưng văn hoá dân tộc của từng ngôn ngữ trên thế giới.

2. 4. Các miêu tả thế giới khách quan

Nói đến đặc trưng văn hoá dân tộc không thể nào không xem xét nó trong cách miêu tả thế giới khách quan. Mỗi dân tộc có một cách miêu tả sự vật, hiện tượng tồn tại trong thế giới khác nhau. Khi miêu tả, người ta thường gắn liền với một sự vật, hiện tượng cụ thể, riêng biệt và rõ nhất là việc miêu tả gắn liền với tính từ. Khi tả “mây”, người Việt có thể nói:

Bầu trời đầy mây đen.

Còn khi miêu tả cụ thể hơn, thì nói:

Trên trời hàng trăm đám mây đen kịt.

Hoặc khi nói đến “tay”, ta nói:

Nó đưa tay ra hứng những giọt nước mưa đang nhỏ dưới hiên nhà.

Hoặc:

Nó đưa bàn tay đầy bùn quét những giọt nước còn đọng lại trên khuôn mặt.

Trong câu tiếng Việt, khi danh ngữ đi kèm với các tính từ miêu tả cụ thể thì bắt buộc nó phải đi kèm với các loại từ cụ thể như: bàn (tay), đám (mây), con(gà), viên (phấn), cục (đất).

Đặc biệt, trong các trường hợp đảo trật tự (đảo chủ ngữ và vị ngữ) để miêu tả thì sự xuất hiện của loại đứng trước danh từ là hết sức cần thiết. Ví dụ:

Trong công viên nhạc vang lên.

=> *Trong công viên vang lên tiếng nhạc.*

Trên luống hoa, bướm bay rập rờn.

=> *Trên luống hoa, bay rập rờn những cánh bướm.*

Lửa bập bùng trong đêm.

=> *Bập bùng ánh lửa trong đêm.*

Trong tiếng Anh ta cũng thấy tồn tại loại từ đi kèm với danh từ để miêu tả. Song số lượng các loại từ trong tiếng Anh ít hơn nhiều so với tiếng Việt. Trong tiếng Anh có nhiều trường hợp không nhất thiết phải sử dụng loại từ. Ví dụ:

To me, red shoes are preferable.

Và,

To me, a pair of red shoes is preferable.

(Theo tôi, giày đỏ được ưa chuộng hơn).

Tuy nhiên, cũng có những trường hợp bắt buộc phải có các loại từ đi kèm, đặc biệt là các danh từ không đếm được, ví dụ:

I like bread.

(Tôi thích bánh mì)

I bought two loaves of bread yesterday.

(Hôm qua, tôi mua hai ổ bánh mì)

Trong câu đảo tiếng Anh, việc đưa loại từ vào không có tính chất bắt buộc như trong tiếng Việt. Ví dụ:

Hardly have I eaten such delicious chocolate.

(Tôi chưa từng bao giờ ăn sô-cô-la ngon đến thế)

Và:

Hardly have I eaten such a delicious bar of chocolate.

(Tôi chưa từng bao giờ ăn một thanh sô-cô-la ngon đến thế)

Trong tiếng Việt, tính từ miêu tả ít khi phân biệt dùng cho người hay vật. Còn trong tiếng Anh thì trong nhiều trường hợp phân biệt rành mạch hơn. Chẳng hạn, trong tiếng Việt ta có tính từ “cao” dùng cho cả sự vật và người.

Anh ấy là người cao nhất ở lớp tôi.

Ngôi nhà của cô ấy rất cao.

Còn trong tiếng Anh người ta đôi khi phân biệt tính từ dùng cho vật là: “high” (cao); dùng cho người thì là “tall” (cao). Ví dụ:

He is the tallest man in my class.

Her house is very high.

Tuy nhiên, trong trường hợp tả một ngôi nhà chọc trời, người Anh lại có xu hướng sử dụng tính từ “tall” vốn hay dùng cho người, là do lúc này họ quan tâm nhiều đến dáng vẻ (shape) của chúng:

That skyscraper is very tall.

(Toà nhà đó rất cao)

Hoặc trong trường hợp của tính từ “nổi tiếng” trong tiếng Việt không có xu hướng phân biệt ý nghĩa tốt, xấu. Chẳng hạn:

Ông ấy là một nhà khoa học rất nổi tiếng.

Hắn ta là một tên trộm nổi tiếng.

Còn trong tiếng Anh thì phân biệt rõ ràng hơn. Dùng cho nghĩa tốt, sử dụng tính

từ “famous”; còn với ý nghĩa xấu, dùng “notorious”. Ví dụ:

He is a famous scientist.

(Ông ấy là một nhà khoa học nổi tiếng)

He is a notorious thief.

(Hắn là một tên trộm nổi tiếng (khét tiếng))

3. Kết luận

Qua phân tích, so sánh đối chiếu một số khía cạnh của: tiếng Anh và tiếng Việt, ta phần nào thấy được một cách rõ nét tính dân tộc được thể hiện ở mỗi ngôn ngữ rất khác nhau. Điều này càng khẳng định thêm rằng mối quan hệ giữa ngôn ngữ-văn hoá-tư duy là mối quan hệ “tay ba” không thể nào tách rời nhau. Trong ngôn ngữ luôn luôn có yếu tố văn hoá phản ánh cách nghĩ, cách nhận thức và biểu đạt về thế giới về con người và cả những suy nghĩ của một cộng đồng.

Tìm hiểu một ngôn ngữ, chúng ta cần chú ý tới khía cạnh tâm lí. Đó là tâm lí chung, xu hướng chung của cả cộng đồng và cũng là của một nhóm người trong cộng đồng ấy, hoặc của riêng cá nhân người phát ngôn. Ngôn ngữ học tâm lí là chuyên ngành phải đi sâu tìm hiểu tất cả những khía cạnh xung quanh vấn đề rất phức tạp và cũng rất hấp dẫn này.

Tài liệu tham khảo

1. Lý Toàn Thắng, *Mấy vấn đề Việt ngữ học và ngôn ngữ học đại cương*. Nxb Khoa học Xã hội, H., 2002.
2. Nguyễn Đức Tồn, *Tìm hiểu đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*. Nxb ĐHQGHN, 2002.
3. *Từ điển Việt - Anh*, Nxb Đồng Nai. 1995.
4. *Từ điển Anh - Việt*, Nxb Thuận Hoá. 1997.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 09-04-2009)